

**CHỦ NGHĨA HIẾN PHÁP: LƯỢC SỬ, HIỆN TRẠNG
VÀ TRIỂN VỌNG Ở VIỆT NAM**

NGUYỄN MINH TÂM*

Ngày nhận bài: 25/03/2025

Ngày phản biện: 12/04/2025

Ngày đăng bài: 30/06/2025

Tóm tắt:

Tư tưởng về chủ nghĩa hiến pháp được du nhập và thảo luận sôi nổi ở Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Tuy nhiên, những nghiên cứu đầu tiên về chủ nghĩa hiến pháp ở Việt Nam chỉ thực sự xuất hiện vào đầu thế kỉ XXI, đặc biệt trong lần sửa đổi Hiến pháp gần đây. Chủ nghĩa hiến pháp về căn bản là ý tưởng về sự cần thiết phải giới hạn quyền lực nhà nước để bảo vệ các quyền của cá nhân và thiểu số trước nguy cơ lạm quyền của đa số. Chủ nghĩa hiến pháp và nhà nước pháp quyền có mối quan hệ tương hỗ, song hành với nhau. Tuy nhiên, chủ nghĩa hiến pháp lại chưa thực sự được quan tâm nghiên cứu ở nước ta. Bài viết khái quát lịch sử và nội dung cơ bản của chủ nghĩa hiến pháp, hiện trạng và triển vọng ở Việt Nam.

Từ khóa:

Chủ nghĩa hiến pháp; pháp quyền; nhà nước pháp quyền

Abstract:

The idea of constitutionalism was introduced and enthusiastically discussed in Vietnam in the late 19th century and early 20th century. However, the first studies on constitutionalism in Vietnam only appeared at the beginning of the 21st century, especially in the recent constitutional amendment. Constitutionalism is the idea of the need to limit state power in order to protect the rights of individuals and minorities against the risk of abuse of power by the majority. Constitutionalism and the rule of law have a reciprocal relationship. However, constitutionalism has not received much attention in research in our country. The article outlines the history and basic content of constitutionalism, current status and its prospects in Vietnam.

Keywords:

Constitutionalism, rule of law, rechtsstaat

* TS., Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: mxintam@vnu.edu.vn.

1. Đặt vấn đề

Chủ nghĩa hiến pháp (constitutionalism) và pháp quyền (rule of law)/ Nhà nước pháp quyền (rechtsstaat) là những khái niệm có mối liên hệ mật thiết và bổ trợ lẫn nhau trong việc xây dựng một hệ thống chính trị - pháp lý dân chủ và bền vững. Chủ nghĩa hiến pháp không những nhấn mạnh vai trò tối cao của Hiến pháp trong việc giới hạn quyền lực nhà nước, mà còn bảo đảm các quyền cơ bản của con người, trách nhiệm giải trình của bộ máy nhà nước và sự độc lập của tư pháp. Ở Việt Nam, trong khi Nhà nước pháp quyền được nghiên cứu và thảo luận rộng rãi, thì chủ nghĩa hiến pháp chưa thực sự được quan tâm trong đời sống chính trị - pháp lý, mới chỉ xuất hiện trong một số nghiên cứu học thuật.

Sang đầu thế kỷ XXI, mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam đã liên tục được khẳng định trong Hiến pháp, và đặc biệt được tái khẳng định thông qua Nghị quyết 27-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành năm 2022. Tuy nhiên, nếu thiếu sự hỗ trợ và bổ khuyết của chủ nghĩa hiến pháp, quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền có thể gặp phải những hạn chế nhất định. Nhà nước pháp quyền không chỉ đòi hỏi sự tuân thủ về hình thức đối với pháp luật, mà còn yêu cầu các nguyên tắc hiến pháp thực sự giới hạn quyền lực nhà nước và bảo vệ các quyền cơ bản của con người. Do đó, việc nghiên cứu và phổ biến chủ nghĩa hiến pháp ở Việt Nam không chỉ có ý nghĩa về mặt học thuật, mà còn là điều kiện cần thiết hỗ trợ quá trình xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền. Sự kết hợp giữa chủ nghĩa hiến pháp và Nhà nước pháp quyền không chỉ giúp củng cố hệ thống chính trị - pháp lý, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho một xã hội công bằng, dân chủ, tiến bộ và thịnh vượng.

2. Khái lược về chủ nghĩa hiến pháp

Thuật ngữ constitutionalism trong tiếng Anh thường được chuyển ngữ sang tiếng Việt theo nhiều cách khác nhau, như: “chủ nghĩa hiến pháp”, “chủ nghĩa lập hiến”, “chủ nghĩa hợp hiến” hay “hiến pháp trị”, tùy theo cách sử dụng của một số tác giả Việt Nam. Tuy nhiên, tất cả các cách chuyển ngữ này đều phản ánh cùng một ý nghĩa cơ bản: “niềm tin rằng chính quyền phải được tổ chức và vận hành trên cơ sở của một bản hiến pháp”.¹ Trong bài viết này, thuật ngữ “chủ nghĩa hiến pháp” (CNHP) sẽ được sử dụng bởi đây là cách dùng phổ biến ở Việt Nam hiện nay và có lẽ cũng thể hiện đầy đủ nhất bản chất của khái niệm này.

¹ Merriam-Webster Incorporated (2014), *Advanced Learner's English Dictionary*, Replika Press Pvt. Ltd, tr. 349.

Một trong những nghiên cứu có ảnh hưởng đầu tiên về CNHP là của Charles H. McIlwain. Ông nhận định rằng CNHP “có một thuộc tính bản chất: nó là những giới hạn pháp luật đối với chính quyền; là phản đề của sự cai trị tùy tiện; nó đối ngược lại với chính quyền chuyên chế, chính quyền của ý muốn thay vì của pháp luật”.² Ông cũng nhấn mạnh rằng, mặc dù bối cảnh chính trị có thể thay đổi theo thời gian, nhưng “yếu tố cổ xưa, ổn định, và bền vững nhất của chủ nghĩa hiến pháp vẫn giữ được như nó hình thành từ ban đầu, giới hạn chính quyền bằng pháp luật”.³ Bất kể hình thức nào của chính quyền hợp hiến, thì quyền lực tối cao cũng phải được xác định rõ bằng pháp luật, “có thể là bất thành văn hoặc hoàn toàn là tục lệ... hoặc có thể được thiết lập trong một văn kiện chính thức đơn nhất... nhưng trong mọi trường hợp, [thực chất vấn đề] đó là pháp luật ràng buộc ý chí tùy tiện”.⁴

Ngày nay, CNHP đã trở thành một lý thuyết phổ biến và có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong lĩnh vực chính trị và pháp lý. Có khoảng 2/3 dân số trên thế giới đang sống dưới các nền dân chủ hợp hiến (constitutional democracy), trong đó phản ánh ít nhiều các giá trị của CNHP.⁵ Mặc dù không có một định nghĩa chung thống nhất về CNHP, nhưng giới nghiên cứu đều đồng thuận rằng nội hàm căn bản của nó chính là “quan niệm về một chính quyền hữu hạn” (a limited government), điều này cũng được thể hiện qua tiêu đề của nhiều công trình nghiên cứu về CNHP.⁶

Quan niệm về CNHP thường được hiểu theo hai cách:⁷ Thứ nhất, xét về mặt tư tưởng hay đạo đức, CNHP có nghĩa là chính quyền bị ràng buộc bởi những giá trị nền tảng như công lý, tự do, bình đẳng, và nhân quyền. Đây là những giới hạn mang tính quy phạm (normative limits) mà chính quyền buộc phải tôn trọng và hướng đến.⁸ Thứ hai, xét về mặt thực tiễn, CNHP nhấn mạnh đến việc thiết kế, tổ chức bộ máy nhà nước

² Charles H. McIlwain (1947), *Constitutionalism: Ancient and Modern*, Cornell University Press, tr. 21 - 22.

³ Như trên, tr. 22.

⁴ Charles H. McIlwain (1939), *Constitutionalism and the Changing World*, Cambridge University Press, tr. 244.

⁵ Larry Diamond (2008), *The Spirit of Democracy: The Struggle to Build Free Societies Throughout the World*, Times Books, tr. 54 - 55; Bùi Ngọc Sơn (2011), “Đặc điểm phát triển của Hiến pháp ở Đông Á”, *Nghiên cứu Lập pháp*, số 17, tr. 56.

⁶ Jeremy Waldron (2009), “*Constitutionalism - A Skeptical View*”, trong: Thomas Christiano and John Christman (eds), *Contemporary Debates in Political Philosophy*, Wiley-Blackwell, tr. 270 - 273.

⁷ Albert H.Y. Chen (2010), “*Pathways of Western liberal constitutional development in Asia: A Comparative study of five major nations*”, *International Journal of Constitutional Law*, tr. 849.

⁸ Graham Walker (1997), “*The Idea of Nonliberal Constitutionalism*”, trong: Ian Shapiro and Will Kymlicka (eds), *Nomos XXXIX: Ethnicity and Group Rights*, New York University Press, tr. 164 - 167; Gregory Mahler (2000), *Comparative Politics: An Institutional and Cross-National Approach*, Prentice Hall, tr. 28.

sao cho có thể hiện thực hóa một chính quyền hữu hạn.⁹ Điều này được thể hiện qua các cơ chế như bầu cử, phân quyền, liên bang, tư pháp độc lập, và giám sát tư pháp. Những cơ chế này được gọi là giới hạn mang tính cấu trúc (structural limits), đóng vai trò như phương tiện giúp bảo đảm các giới hạn mang tính quy phạm - giống như tiền đề hay mục đích. Chẳng hạn, để bảo vệ nhân quyền, cần có cơ chế phân quyền nhằm ngăn ngừa sự lạm dụng quyền lực mà có thể dẫn đến xâm phạm quyền tự do của người dân.

CNHP cũng hàm ý rằng hiến pháp (thành văn hoặc bất thành văn) đóng vai trò như một phương tiện xác định và truyền tải những giới hạn đối với quyền lực nhà nước. Khi những giới hạn này được xác định rõ ràng trong hiến pháp, chúng trở thành những nguyên tắc khách quan, độc lập với chính quyền, và thậm chí cả với người dân.¹⁰ Điều này có nghĩa là chính quyền không thể tùy ý vận hành quốc gia theo ý muốn riêng hoặc theo cảm xúc nhất thời của công chúng. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng CNHP không đồng nghĩa với hiến pháp (constitution).¹¹ Nếu coi hiến pháp là bản quang phổ phản chiếu cấu trúc quyền lực chính trị trong một xã hội, thì câu hỏi đặt ra là liệu nó có phản ánh đúng thực chất quyền lực trên thực tế và liệu nó có điều chỉnh, giới hạn quyền lực hay không? Ở nhiều quốc gia Arab, hiến pháp chủ yếu được sử dụng để củng cố quyền lực của giới cai trị thay vì giới hạn hay hạn chế họ. Tương tự, ở nhiều quốc gia Trung và Nam Phi, hiến pháp mang ý nghĩa như một bản “khai sinh” để tuyên bố chủ quyền của một chế độ trước cộng đồng quốc tế hơn là một công cụ để thiết lập một chính quyền hữu hạn và ổn định.¹² Như vậy, nếu xem hiến pháp là phương tiện để thể hiện những giá trị hoặc đặc điểm quan trọng của một quốc gia, thì CNHP chỉ là một trong những giá trị đó, với mục tiêu là giới hạn quyền lực nhà nước. Ngược lại, CNHP yêu cầu một loại hiến pháp nhất định - hiến pháp có tính tự giới hạn (self-limiting in character).¹³

Ngoài ra, cần nhấn mạnh rằng mục tiêu của CNHP không phải là giới hạn mọi quyền lực, cũng như không làm mạnh (tích cực) hay làm yếu (tiêu cực) quyền lực. Thay vào đó, CNHP chỉ hạn chế nguy cơ chính quyền sử dụng quyền lực một cách tùy tiện. Lịch sử chính trị cho thấy những người nắm giữ quyền lực luôn có xu hướng lạm quyền

⁹ Martin Loughlin (2010), “What is Constitutionalism”, trong: Petra Dobner, Martin Loughlin (eds), *The Twilight of Constitutionalism*, OUP, tr. 55; Andrea Buratti (2019), *Western Constitutionalism: History, Institutions, Comparative Law*, Springer, tr. 2.

¹⁰ Graham Walker (1997), tldđ, tr. 165-167; Bùi Ngọc Sơn (2011), tldđ, tr. 72.

¹¹ Michel Rosenfeld, András Sajó (2013), “Constitutionalism: Foundations for the New Millennium”, trong: *New Millennium Constitutionalism: Paradigms of Reality and Challenges*, NJHAR Publisher, tr. 12.

¹² Beau Breslin (2009), *From Words to Worlds: Exploring Constitutional Functionality*, Johns Hopkins University Press, tr. 23.

¹³ Graham Walker (1997), tldđ, tr. 164-165.

vì lợi ích riêng. Do đó, một chính quyền hợp hiến, dù bị giới hạn, thường là một chính quyền mạnh và hiệu quả. CNHP vừa bảo đảm bộ máy nhà nước được tổ chức một cách lý tính nhằm ngăn ngừa nguy cơ chuyên chế và lạm quyền, vừa trao cho chính quyền một khả năng và năng lực đầy đủ để thực hiện mục tiêu cốt lõi của mình: thúc đẩy phúc lợi chung của xã hội.¹⁴ Nếu không đạt được sự cân bằng này, quan niệm về một chính quyền hữu hạn sẽ khó có thể được bảo vệ và hiện thực hóa.

Một cách khác để khái quát hóa định nghĩa về CNHP là mô tả và phân tích các yếu tố cấu thành của nó. Tùy theo góc độ nghiên cứu và nền học thuật, các tác giả đã xác định những thành tố khác nhau của CNHP. Chẳng hạn, Giovanni Sartori xác định năm yếu tố nhấn mạnh truyền thống pháp quyền Anh-Mỹ;¹⁵ Louis Henkin liệt kê chín yếu tố;¹⁶ N. W. Barber đề cập đến sáu nguyên tắc;¹⁷ tác giả Nguyễn Đăng Dung liệt kê tám yếu tố, nhấn mạnh phân quyền và nhân quyền;¹⁸ Lý Ba tiếp cận CNHP theo hướng mô tả các thành tố;¹⁹ còn tác giả Bùi Ngọc Sơn cho rằng CNHP xoay quanh hai vấn đề chính là quyền lực và nội dung của hiến pháp, với bảy yếu tố.²⁰ Nhìn chung, có bốn thành tố nhận được sự đồng thuận rộng rãi: chủ quyền nhân dân, phân chia quyền lực, bảo vệ nhân quyền, và tài phán hiến pháp. Ba thành tố đầu tiên được xem là những nguyên tắc hiến pháp cơ bản của một nền dân chủ hiện đại, trong khi thành tố thứ tư - tài phán hiến pháp - đóng vai trò then chốt trong việc hiện thực hóa CNHP.

Dù CNHP được hiểu hay xem xét theo phương diện nào, nội hàm căn bản của nó vẫn không thay đổi: quyền lực nhà nước phải bị giới hạn. Nền tảng triết học của CNHP là chủ nghĩa tự do cổ điển (liberalism), gắn liền với tư tưởng của John Locke về trạng thái tự nhiên, khế ước xã hội và nguyên tắc phân quyền.²¹ CNHP dựa trên ba luận đề cơ bản: Thứ nhất, chính quyền hợp pháp được hình thành trên cơ sở sự đồng thuận của những người bị cai trị. Thứ hai, con người có những quyền tự do cơ bản mà bất kì chính

¹⁴ Stephen Holmes (1995), *Passion and Constraint: On the Theory of Liberal Democracy*, University of Chicago Press, tr. 270; N. W. Barber (2018), *The Principles of Constitutionalism*, OUP, tr. 1 - 9; Jeremy Waldron (2009), *tlđđ*, tr. 273 - 274.

¹⁵ Giovanni Sartori (1987), *The Theory of Democracy Revisited*, Chatham House Publisher, tr. 308 - 310.

¹⁶ Louis Henkin (2000), *Elements of Constitutionalism*, (Unpublished Manuscript).

¹⁷ N. W. Barber (2018), *tlđđ*.

¹⁸ Nguyễn Đăng Dung (2013), “*Sự phát triển của chủ nghĩa hiến pháp ở Việt Nam cho đến Hiến pháp năm 2013*”, trong: Đào Trí Úc, Vũ Công Giao (đồng chủ biên), *Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb. Lao động xã hội.

¹⁹ Lý Ba (2000), “*Chủ nghĩa hợp hiến là gì?*”, trong: Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao (đồng chủ biên), *Về pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến: Một số tiểu luận của các học giả nước ngoài*, Nxb. Lao động xã hội.

²⁰ Bùi Ngọc Sơn (2008), “*Một số vấn đề về chủ nghĩa hợp hiến*”, Nghiên cứu Lập pháp, số 11.

²¹ Wil Waluchow, “*Constitutionalism*” (18/5/2023), truy cập tại <https://plato.stanford.edu/entries/constitutionalism/>, truy cập ngày 16/3/2025.

quyền nào cũng không thể phủ nhận.²² Thứ ba, nhà nước là cần thiết cho cuộc sống của loài người, nhưng cũng là mối nguy hại tiềm tàng cho con người do bản tính tư lợi (vị kỉ) của con người và xu hướng tha hóa của quyền lực, do đó, quyền lực nhà nước phải bị giới hạn và kiểm soát.²³

Nhiều nghiên cứu cho thấy tư tưởng về CNHP hay giới hạn quyền lực nhà nước đã xuất hiện rất sớm, từ thời Hy Lạp và La Mã cổ đại.²⁴ Tuy nhiên, CNHP chỉ thực sự phát triển thành một lý thuyết hoàn chỉnh và được áp dụng trong thực tiễn chính trị ở Anh Quốc vào cuối thế kỉ XVII. Sau đó, mô hình chính quyền hợp hiến lan rộng sang Hoa Kỳ (thế kỉ XVIII), Đức, Pháp và một số quốc gia Tây Âu khác (thế kỉ XIX), rồi tiếp tục mở rộng ra nhiều khu vực trên thế giới với mức độ thành công khác nhau (thế kỉ XX).²⁵ Các nghiên cứu cũng cho thấy, dù các chính quyền hợp hiến có thể vận hành dựa trên những nguyên tắc chung (như pháp quyền, nhân quyền, tư pháp độc lập, hay tài phán hiến pháp), nhưng mỗi quốc gia lại lựa chọn mô hình thể chế phù hợp với bối cảnh chính trị, xã hội, lịch sử và truyền thống của mình.²⁶ Ngoài ra, sự xuất hiện của đảng phái chính trị (từ nửa sau thế kỉ XIX) cũng ảnh hưởng sâu sắc đến cơ cấu quyền lực và cách thức vận hành của nhà nước, làm thay đổi ý nghĩa của nhiều nguyên tắc pháp lý cổ điển.

Mặc dù có nguồn gốc từ truyền thống chính trị và pháp lý phương Tây, ngày nay CNHP dường như đã trở thành một giá trị phổ quát. Cũng như dân chủ và pháp quyền, CNHP là mục tiêu mà nhiều xã hội hướng đến. Các xã hội hướng đến pháp quyền thường cũng có xu hướng thực hành CNHP.²⁷ Cùng với các giá trị đạo đức chính trị khác, CNHP trở thành một tiêu chí đánh giá tính chính danh (legitimacy) của chính quyền, cũng như mức độ ổn định và phát triển của xã hội. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng không có lý thuyết nào có thể giải quyết được tất cả các vấn đề đa dạng và phức tạp của đời sống chính trị - xã hội. Ngay cả các chính quyền hợp hiến ở giai đoạn đầu

²² Michael J. Sandel (2009), *Justice: what's the right thing to do?*, Farrar, Straus and Giroux.

²³ Charles S. Montesquieu (1823), *The Spirit of Laws, Vol.I* (translated from the French by Thomas Nugent), T.C. Hansard Printer, tr. 151.

²⁴ Francis D. Wormuth (1949), *The Origins of Modern Constitutionalism*, Harper & Brothers Publishers, tr. 3; Andrea Buratti (2019), tldđ, tr. 3-9.

²⁵ Daron Acemoglu, James A. Robinson (2012), *Why Nations Fail: The Origins of Power, Prosperity, and Poverty*, Crown Publishers; Larry Diamond (2008), tldđ; Bùi Ngọc Sơn (2008), “*Một số vấn đề về chủ nghĩa hợp hiến*”, Nghiên cứu Lập pháp, số 11.

²⁶ Danilo Zolo, “*The Rule of Law: A Critical Reappraisal*”, trong: Danilo Zolo, Pietro Costa (eds) (2007), *The Rule of Law: History, Theory and Criticism*, Springer; Katrin Blasek (2015), *Rule of Law in China: A Comparative Approach*, Springer.

²⁷ Bùi Ngọc Sơn (2013), “*Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992: Chủ nghĩa hợp hiến hiện đại ở Việt Nam trong thế kỉ 21*”, Nghiên cứu Lập pháp, số 6, tr. 10.

hoặc trong quá trình vận hành không phải lúc nào cũng hoàn hảo. Quá trình xây dựng một chính quyền hợp hiến có thể đòi hỏi nhiều thời gian và những điều kiện thích hợp để CNHP có thể bám rễ và ăn sâu vào một xã hội.

3. Quá trình du nhập và thảo luận về chủ nghĩa hiến pháp ở Việt Nam

Những tư tưởng về việc giới hạn quyền lực của người cai trị và xây dựng một nền chính trị dựa trên hiến pháp đã du nhập vào Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Quá trình này bắt nguồn từ ba nguyên nhân chính:²⁸ Thứ nhất, sự cai trị tùy tiện và độc đoán của chính quyền thuộc địa đã khiến những người Việt Nam yêu nước nhận ra sự cần thiết phải có một bản hiến pháp nhằm giới hạn quyền lực của chính quyền để bảo vệ các quyền tự do của người dân Việt Nam. Thứ hai, làn sóng Tân thư, Tân văn cùng những biến động chính trị tại Nhật Bản và Trung Quốc đương thời đã đánh thức nhận thức chính trị của giới Nho sĩ yêu nước, thúc đẩy họ tìm kiếm những mô hình chính trị tiên bộ. Thứ ba, sự giao lưu văn hóa Đông-Tây ngày càng phát triển, giúp nhiều trí thức Việt Nam có cơ hội ra nước ngoài hoặc tiếp cận các tư tưởng dân chủ tiên bộ phương Tây. Qua đó, họ đã tiếp nhận và truyền bá rộng rãi các tư tưởng về dân chủ và hiến pháp phương Tây vào Việt Nam.

Theo tác giả Phan Đăng Thanh, người đầu tiên đề cập đến vấn đề lập hiến ở Việt Nam có lẽ là Phan Bội Châu. Trong bài Đề tỉnh quốc dân ca (1907), ông đã nhấn mạnh việc lập hiến là một yêu cầu bức xúc của đất nước. Ông đã từng tự soạn thảo một bản hiến pháp (khoảng tháng 3/1929) và gửi cho Lê Văn Miến (Tể tửu Quốc Tử Giám) đọc góp ý, nhưng sau đó đã tự xé đốt bản thảo. Ở một dịp khác, trong cuộc phỏng vấn báo Đông Tây, ông tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của hiến pháp và trình bày quan điểm lập hiến của mình. Qua những tư liệu còn lưu giữ, có thể thấy Phan Bội Châu đã nghiên cứu cả lý luận lẫn thực tiễn về hiến pháp và thể chế chính trị của nhiều nước. Ban đầu (trước năm 1906), ông ủng hộ mô hình quân chủ lập hiến, nhưng từ năm 1912, ông chuyển sang ủng hộ thể chế dân chủ cộng hòa.²⁹

Cùng thời kì đó, Phan Châu Trinh - người khởi xướng phong trào “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” - đã có nhiều bài viết và diễn thuyết về tư tưởng chính trị, pháp lý phương Tây, gây ảnh hưởng sâu rộng đến xã hội Việt Nam. Một số bài viết tiêu biểu

²⁸ Phan Đăng Thanh (2006), *Tư tưởng lập hiến Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX*, Nxb. Tư pháp; Phan Đăng Thanh, Trương Thị Hoà (2013), *Lược sử lập hiến Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh; Bùi Ngọc Sơn (2008), “*Chủ nghĩa hợp hiến ở Việt Nam*”, Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba: Việt Nam hội nhập và phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội và Viện Khoa học Xã hội Việt Nam phối hợp tổ chức, ngày 5 - 7/12/2008, Hà Nội.

²⁹ Phan Đăng Thanh (2006), *ttđđ*, tr.96, 104; Phan Đăng Thanh (2002), “*Tư tưởng lập hiến của Phan Bội Châu*”, *Nghiên cứu Lập pháp*, số 1, tr.79-80, 83.

của ông bao gồm Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa (1925), Đạo đức và luân lý Đông Tây (1925),... Phan Châu Trinh ủng hộ thể chế cộng hòa đại nghị, đề cao pháp trị với các quyền tự do chính trị của người dân, đặc biệt là quyền tự do hội họp và lập hội, tự do tư tưởng, ngôn luận và báo chí. Ông cho rằng dân chủ gắn liền với việc mở rộng tự do, và mở rộng tự do là yếu tố củng cố nền dân chủ.³⁰

Ngoài ra, nhiều nhân vật khác như Huỳnh Thúc Kháng, Lương Văn Can, Trần Quý Cáp cùng các phong trào như Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục đã tích cực tổ chức biên soạn, phổ biến nhiều sách báo, tài liệu chứa đựng những tư tưởng tiên bộ phương Tây. Một số tác phẩm quan trọng thời bấy giờ bao gồm Tân đính luân lý giáo khoa, Quốc dân độc bản, Văn minh tân học sách,... Những tài liệu này dù còn khá đơn giản và chưa mang tính hệ thống, nhưng chính điều này lại đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của xã hội đương thời là “muốn mở cái óc mê muội, muốn gỡ những tiếng chuông duy tân, muốn gây một thể hệ cách mạng trong quần chúng”.³¹

Trong giai đoạn tiếp theo, giới trí thức tân học - những người được đào tạo theo hệ thống giáo dục thuộc địa, từng du học hoặc tự học với nền tảng ngoại ngữ - đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận và truyền bá tư tưởng dân chủ phương Tây vào Việt Nam. Một trong những nhân vật tiên phong là Phạm Quỳnh, chủ bút Tạp chí Nam Phong. Ông đã viết, dịch thuật và biên khảo nhiều bài giới thiệu tư tưởng chính trị phương Tây trên tạp chí này. Qua một số bài viết trên Nam Phong, có thể thấy Phạm Quỳnh ủng hộ mô hình quân chủ lập hiến theo kiểu Nhật Bản, trong đó hiến pháp vừa bảo đảm quyền dân chủ cho nhân dân, vừa duy trì quyền cai trị của nhà vua và quyền lực của chính quyền bảo hộ.³²

Quan điểm lập hiến của Phạm Quỳnh bị Nguyễn Văn Vĩnh kịch liệt phản đối. Nguyễn Văn Vĩnh chủ trương theo “thuyết trực trị”, nghĩa là áp dụng trực tiếp Hiến pháp và pháp luật của nước Pháp vào Việt Nam, loại bỏ hoàn toàn vai trò trung gian của quan lại phong kiến, để người Pháp trực tiếp cai trị.³³ Tuy nhiên, ông được cho là không có lập trường chính trị vững vàng. Đóng góp nổi bật nhất của Nguyễn Văn Vĩnh là trong lĩnh vực dịch thuật với hai tác phẩm tiêu biểu gồm: Dân ước (bản dịch Contrat Social

³⁰ Chương Thâu (2005), *Phan Châu Trinh toàn tập, Tập 3*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 281 - 283.

³¹ Nguyễn Hiến Lê (1968), *Đông Kinh Nghĩa Thục*, Lá Bối xuất bản, Sài Gòn, tr.59.

³² Thái Vĩnh Thắng (2011), “*Tư tưởng lập hiến ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945*”, Nhà nước và Pháp luật, số 11, tr.28-29.

³³ Thái Vĩnh Thắng (2011), *tlđd*, tr. 28.

của J. J. Rousseau) và Vạn pháp tinh lý (biên dịch từ *Esprit des lois* của Montesquieu và *Traité de l'Esprit* của Holvétius).³⁴

Trong giới trí thức trẻ Tây học, Phan Anh là một trong những người có tư tưởng lập hiến tiên phong. Trong thời gian cộng tác với báo Thanh Nghị, ông đã nghiên cứu và xuất bản nhiều bài phân tích về các trào lưu tư tưởng lập hiến trên thế giới và việc lập hiến ở Việt Nam. Ông nhấn mạnh rằng độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do, dân chủ; đồng thời đề cao nguyên tắc phân quyền để kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự độc tài, qua đó bảo đảm một chế độ thực sự dân chủ và tự do.³⁵

Một nhân vật có ảnh hưởng khác là Nguyễn An Ninh, chủ bút tờ báo *La cloche fêlée* (thành lập năm 1923, sau đổi tên thành *L'Annam* năm 1926). Cùng với Phan Văn Trường, ông đã thể hiện tư tưởng lập hiến qua các bài viết trên tờ báo này, trong đó nhấn mạnh các quyền tự do cá nhân, sự cần thiết phải ban hành hiến pháp để bảo đảm các quyền tự do, cũng như đề cao học thuyết phân quyền trong xây dựng hiến pháp,³⁶ tổ chức bộ máy nhà nước theo thể chế cộng hòa. Nguyễn An Ninh cũng biên soạn cuốn *Dân ước - dân quyền - dân đạo* (1923), trích dịch từ tác phẩm *Le Contrat Social* của J. J. Rousseau, nhằm phổ biến tư tưởng các quyền tự do dân chủ đến người dân. Đáng chú ý, tờ *L'Annam* đã đăng toàn văn Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền (1791) của Pháp và Tuyên ngôn cộng sản của Karl Marx.³⁷

Như vậy, trước năm 1945, giới nho sĩ yêu nước, sau đó là giới trí thức tân học và Tây học, đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận và truyền bá các tư tưởng dân chủ phương Tây vào Việt Nam. Với nền tảng tri thức và ngoại ngữ tốt, trong một môi trường tự do báo chí và xuất bản tương đối cởi mở, họ đã thực hiện nhiều hoạt động như dịch thuật, viết báo, diễn thuyết, và mở trường học miễn phí,... Những hoạt động này không những để phổ biến tư tưởng dân chủ trong xã hội Việt Nam, mà còn góp phần đánh thức ý thức người dân về chủ quyền quốc gia. Trong quá trình này, các quan điểm lập hiến dần hình thành, tranh luận và phản biện lẫn nhau, phản ánh những lợi ích chính trị đa dạng trong xã hội Việt Nam lúc giao thời.³⁸ Tuy nhiên, nỗ lực của giới yêu nước chủ yếu dừng lại ở mức độ bày tỏ ý kiến, mà chưa đủ mạnh để tạo ra áp lực thay đổi thực tế. Nguyên nhân chủ yếu là do xã hội Việt Nam đương thời không có một nền tảng kinh tế

³⁴ Nhất Tâm (1957), *Nguyễn Văn Vĩnh (1882 - 1936)*, Tủ sách những mảnh gương Tân Việt, Nxb. Tân Việt, Sài Gòn, tr. 11 - 14.

³⁵ Phan Đăng Thanh (2006), *tlđđ*, tr.323 - 327.

³⁶ Phan Đăng Thanh (2006), *tlđđ*, tr.148 - 149, 159.

³⁷ Thái Vĩnh Thắng (2011), *tlđđ*, tr.31-32.

³⁸ Phan Đăng Thanh, Trương Thị Hòa (2013), *tlđđ*.

vững chắc và một tầng lớp trung lưu tiến bộ đủ lớn để thúc đẩy cải cách.³⁹ Hơn nữa, những phương tiện truyền bá tư tưởng còn hạn chế, khiến phần lớn người dân chưa nhận thức rõ được các vấn đề chính trị của đất nước.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đánh dấu một giai đoạn mới trong lịch sử tư tưởng lập hiến Việt Nam. Ngay sau khi giành chính quyền, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định một trong sáu nhiệm vụ cấp bách là tổ chức tổng tuyển cử để bầu Quốc hội lập hiến, từ đó xây dựng một bản hiến pháp dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh sau đó trực tiếp chỉ đạo quá trình soạn thảo hiến pháp với sự tham gia của nhiều trí thức nổi tiếng đương thời (như luật sư Vũ Trọng Khánh). Hiến pháp năm 1946 được đánh giá là thể hiện tinh thần của CNHP, cả về quy trình xây dựng lẫn nội dung quy phạm.⁴⁰ Tuy nhiên, nó thiếu vắng cơ chế để hiện thực hóa các nội dung của hiến pháp, cũng như trên thực tế không được thực thi do bối cảnh xung đột và chiến tranh của đất nước.

Sau đó, ở miền Bắc (trước năm 1975) và trên phạm vi toàn quốc (trước Đổi Mới năm 1986), pháp luật nhìn chung không được coi trọng, cả trong nhận thức lẫn thực tiễn.⁴¹ Khoa học pháp lý giai đoạn này chủ yếu nghiên cứu hệ thống pháp luật của các nước chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là Liên Xô, với trọng tâm là các văn bản luật về tổ chức bộ máy nhà nước.⁴² Trong khi đó, ở miền Nam trước năm 1975, tri thức phương Tây được tiếp thu và phát triển hơn trong nhiều lĩnh vực, bao gồm luật học. Giới luật học trong giai đoạn này cố gắng tiếp thu cho hết những tri thức luật học phương Tây để nghiên cứu và hiểu tường tận về Việt Nam, để xây dựng nền luật học mới của nước nhà. Trong lĩnh vực luật hiến pháp, nhiều nghiên cứu và tác phẩm dịch thuật tập trung vào việc tìm hiểu mô hình thể chế của các nước phương Tây.⁴³

Từ Đổi Mới (1986) trở đi, nghiên cứu về hiến pháp nước ngoài dần xuất hiện nhằm phục vụ công tác giảng dạy tại một số cơ sở đào tạo luật và quá trình xây dựng bản hiến

³⁹ Lê Khánh Tùng (2015), *Sự phát triển của hiến pháp trong tiến trình dân chủ hóa ở Đông Á*, Luận án tiến sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.105.

⁴⁰ Bùi Ngọc Sơn (2008), “*Chủ nghĩa hợp hiến ở Việt Nam*”, tldđ, tr.12 - 15.

⁴¹ Phạm Hồng Thái (2016) (chủ biên), *Hợp đồng hành chính trong quản lý nhà nước*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.47.

⁴² Lê Khánh Tùng (2015), tldđ, tr.9- 10.

⁴³ Ví dụ: *Hiến pháp khảo lược* (Nguyễn Quang Quynh, 1961), *Hiến pháp tân tiến* (K.C. Wheare, Nguyễn Quang dịch, 1967), *Luận về Hiến pháp Hoa Kỳ* (1967, Nguyễn Hưng Vượng dịch), *Luật hiến pháp và chính trị học* (Nguyễn Văn Bông, 1969), *Luật hiến pháp: Khôn mẫu dân chủ* (2 cuốn, Lê Đình Chân, 1975), *Hiến pháp chú thích* (Trương Tiến Đạt, 1969), *Luật hiến pháp* (Nguyễn Độ, 1975),...

pháp của thời kì đổi mới.⁴⁴ Các nội dung về lịch sử lập hiến của các nước cũng được đưa vào chương trình giảng dạy môn học lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới.⁴⁵ Lịch sử lập hiến của một số quốc gia lớn như Anh, Hoa Kỳ, Pháp, Nhật Bản,... được giới thiệu dưới dạng tổng quan và riêng lẻ, cung cấp nguồn tham khảo về sự phát triển của tư tưởng lập hiến trên thế giới ở Việt Nam.⁴⁶

4. Hiện trạng nghiên cứu và triển vọng của chủ nghĩa lập hiến pháp ở Việt Nam

Trong khoảng 20 năm trở lại đây, nghiên cứu hiến pháp nước ngoài ngày càng được quan tâm, đặc biệt từ góc độ luật học và chính trị học. Cùng với đó, các nghiên cứu về CNHP cũng dần xuất hiện, với cách tiếp cận và chuyển ngữ khác nhau. Căn cứ vào cách chuyển ngữ, có thể chia các nghiên cứu thành ba nhóm chính, phản ánh nhận thức và quan điểm ít nhiều khác nhau của các tác giả về CNHP:

Thứ nhất, nhóm các tác giả sử dụng thuật ngữ “chủ nghĩa lập hiến”, tiêu biểu là tác giả Đào Trí Úc.⁴⁷ Nhìn chung, theo quan điểm của nhóm các tác giả này, chủ nghĩa lập hiến có phạm vi rộng hơn CNHP. Cụ thể, chủ nghĩa lập hiến chỉ một hệ thống chính trị vận hành trên nền tảng hiến pháp, trong đó thể hiện (hay thể chế hóa) những tư tưởng lập hiến của xã hội trong từng giai đoạn lịch sử và phát triển nhất định. Những tư tưởng lập hiến này rất đa dạng, bao gồm dân chủ, pháp quyền, nhân quyền, kinh tế thị trường, chủ nghĩa xã hội, hay nhà nước kiến tạo phát triển,... Chúng là những giá trị định hướng cho hệ thống chính trị nhưng không nhất thiết phải phù hợp với nhau, và là tiền đề để hình thành chủ nghĩa lập hiến đặc trưng của một xã hội. Chính bởi vậy, nhóm các tác giả này cho rằng chủ nghĩa lập hiến có thể chia thành nhiều loại, như chủ nghĩa lập hiến tự do, chủ nghĩa lập hiến xã hội và chủ nghĩa lập hiến hiện đại, tương ứng với sự phát triển của các mô hình hiến pháp khác nhau.⁴⁸ Dù có những điểm tương đồng với chủ

⁴⁴ Có thể kể đến các công trình tiêu biểu như: *Những vấn đề cơ bản của Hiến pháp các nước trên thế giới* (Đào Trí Úc chủ biên, 1992), *Giáo trình Luật hiến pháp của các nước tư bản* (Nguyễn Đăng Dung chủ biên, 1993), *Giáo trình Luật hiến pháp nước ngoài* (Thái Vĩnh Thắng chủ biên, 1999),...

⁴⁵ Ví dụ: *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới* (Nguyễn Ngọc Đào, 1997), *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới* (Phạm Điềm và Vũ Thị Nga, 2012), *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới* (Nguyễn Minh Tuấn, 2014),...

⁴⁶ Lã Khánh Tùng (2015), tldđ, tr.12-13.

⁴⁷ Các bài viết tiêu biểu: Bảo hiến, chủ nghĩa lập hiến và nhà nước pháp quyền (Đào Trí Úc, Vũ Công Giao, 2012), Chủ nghĩa lập hiến và những thành tựu, vấn đề đặt ra của nó ở Việt Nam (Đào Trí Úc, 2012), Những lập luận chính trị căn bản của chủ nghĩa lập hiến (Tống Đức Thảo, 2014),...

⁴⁸ Theo tác giả Đào Trí Úc, *chủ nghĩa lập hiến tự do* gắn liền với mô hình hiến pháp tự do, ra đời trong Cách mạng tư sản với tư tưởng lập hiến chủ đạo là mối quan hệ giữa quyền lực, nhân quyền và nền dân chủ hạn chế, giới hạn quyền lực nhà nước, ghi nhận các quyền tự nhiên của con người. *Chủ nghĩa lập hiến xã hội* gắn liền với mô hình hiến pháp dân chủ theo định hướng xã hội, ra đời cùng với sự xuất hiện của các nhà nước Xô Viết, trong đó mối quan tâm chính của hiến pháp là những đòi hỏi về công bằng xã hội và mục tiêu nâng cao đời sống kinh tế, xã hội, và văn hóa cho nhân dân. *Chủ nghĩa lập hiến hiện đại*

nghĩa lập hiến tự do, CNHP không đồng nghĩa và không thể đồng nhất với thuật ngữ chủ nghĩa lập hiến.

Thứ hai, nhóm các tác giả sử dụng thuật ngữ “chủ nghĩa hợp hiến”, với các đại diện tiêu biểu như tác giả Bùi Ngọc Sơn, Đặng Minh Tuấn, Nguyễn Văn Quân,... Trong đó, tác giả Bùi Ngọc Sơn là người có nhiều nghiên cứu về chủ nghĩa hợp hiến nhất.⁴⁹ Các nghiên cứu của tác giả Bùi Ngọc Sơn đã giới thiệu nhiều quan niệm khác nhau về chủ nghĩa hợp hiến, phác thảo các yếu tố cấu thành cũng như quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa hợp hiến phương Tây.⁵⁰ Quan điểm của tác giả Bùi Ngọc Sơn thể hiện cách tiếp cận sáng tạo, linh hoạt và mềm dẻo về chủ nghĩa hợp hiến qua các nghiên cứu về chủ nghĩa hợp hiến chuyển đổi, chủ nghĩa hợp hiến tích cực, hay chủ nghĩa hợp hiến Nho giáo. Ngoài ra, thuật ngữ chủ nghĩa hợp hiến cũng được sử dụng trong một số nghiên cứu khác.⁵¹

Thứ ba, nhóm các tác giả sử dụng thuật ngữ “chủ nghĩa hiến pháp”, với đại diện tiêu biểu là tác giả Nguyễn Đăng Dung - người có thể được coi là học giả đầu tiên nghiên cứu về CNHP ở Việt Nam. Trong công trình nghiên cứu quan trọng nhất của mình: Sự

gắn liền với mô hình hiến pháp hiện đại, một mặt tiếp tục khẳng định những giá trị bất biến và tiến bộ mà nhân loại đã đạt được, mặt khác phản ánh những bước phát triển mới của thời đại mới cùng những phương thức đồng thuận xã hội để phát triển. Xem: Đào Trí Úc (2014), “Cơ sở lý luận, thực tiễn và quá trình xây dựng Hiến pháp năm 2013”, trong: Đào Trí Úc, Vũ Công Giao (đồng chủ biên), *Bình luận khoa học Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013*, Nxb. Lao động xã hội, tr. 28 - 30, 39.

⁴⁹ Một số nghiên cứu tiêu biểu của ông như: Một số vấn đề về chủ nghĩa hợp hiến (2008), Chủ nghĩa hợp hiến ở Việt Nam (2009), Tài phán hiến pháp và viễn cảnh chủ nghĩa hợp hiến ở Việt Nam (2009), Chủ nghĩa hợp hiến và sửa đổi Hiến pháp ở Việt Nam (2011), Đặc điểm phát triển của Hiến pháp ở Đông Á (2011), Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992: Chủ nghĩa hợp hiến hiện đại ở Việt Nam trong thế kỉ XXI (2013), Chủ nghĩa hợp hiến tích cực (2013), The Introduction of Constitutionalism in East Asian Confucian Context: The Case of Vietnam in the Early Twentieth Century (2012),...

⁵⁰ Cụm từ “chủ nghĩa hợp hiến” có lẽ là cách chuyển ngữ đầu tiên của thuật ngữ constitutionalism sang tiếng Việt, xuất hiện trong ấn phẩm *Chủ nghĩa hợp hiến và các nền dân chủ đang nổi lên (Constitutionalism and Emerging Democracies)* của Tạp chí điện tử của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (tháng 3/2004). Theo giải thích của tập thể tác giả (bao gồm tác giả Bùi Ngọc Sơn) của nghiên cứu: *Tài phán hiến pháp: Một số vấn đề lý luận cơ bản, kinh nghiệm quốc tế và khả năng áp dụng cho Việt Nam* (Nguyễn Như Phát chủ biên, Nxb. Khoa học xã hội, 2010), chủ nghĩa hợp hiến có thể được hiểu là “niềm tin về một chính quyền hợp hiến và việc cư xử, hành động phù hợp với hiến pháp”. Như vậy, có thể thấy, trong khi chủ nghĩa lập hiến chủ yếu đề cập đến các tư tưởng lập hiến và mô hình hiến pháp, thì chủ nghĩa hợp hiến hàm ý sự hành động phù hợp với hiến pháp. Tuy nhiên, như đã được chỉ ra trong bài viết này, CNHP không đồng nghĩa với hiến pháp, và không phải bản hiến pháp nào cũng chứa đựng mục tiêu giới hạn quyền lực nhà nước và/hoặc được thực thi đầy đủ trên thực tế. Do đó, cách sử dụng cụm từ chủ nghĩa lập hiến hay chủ nghĩa hợp hiến (nếu có) mới chỉ phản ánh được yếu tố hình thức, chứ chưa biểu đạt được hết yếu tố bản chất hay tinh thần của CNHP, đó là giới hạn quyền lực nhà nước.

⁵¹ Ví dụ: *Về pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến: Một số tiểu luận của các học giả nước ngoài* (Nguyễn Đăng Dung chủ biên, 2012), *Tài phán hiến pháp: Một số vấn đề lý luận cơ bản, kinh nghiệm quốc tế và khả năng áp dụng cho Việt Nam* (Nguyễn Như Phát chủ biên, 2011), *Một số vấn đề cơ bản của Hiến pháp các nước trên thế giới* (Ban biên tập Dự thảo Hiến pháp 1992, 2012), *Lịch sử tư tưởng về chủ nghĩa hợp hiến* (Đặng Minh Tuấn, Nguyễn Văn Quân),...

hạn chế quyền lực nhà nước (2005), cùng với một số nghiên cứu khác,⁵² có thể thấy mối quan tâm chủ yếu của ông là về hình thức chính thể và quyền lực nhà nước với cách tiếp cận duy lý về bản tính xấu của con người. Quan điểm xuyên suốt của ông là: Nhà nước rất cần cho sự tồn tại và phát triển của con người, nhưng quyền lực nhà nước cần phải bị hạn chế nhằm mục đích bảo vệ nhân quyền (tính nhân bản của hiến pháp). Để thực hiện mục tiêu này, cần áp dụng nguyên tắc phân quyền và bảo đảm nền tư pháp độc lập, tạo thành một cơ chế “tự kiểm tra bên trong” của hiến pháp, nhằm ngăn ngừa sự lạm quyền của người cầm quyền. Theo ông, hiến pháp phải là căn cứ căn bản để hạn chế quyền lực nhà nước, khẳng định quyền lực thuộc về nhân dân và bảo vệ nhân quyền - yếu tố cốt lõi của hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền.

Mặc dù có những quan điểm khác nhau, các tác giả Việt Nam nghiên cứu về CNHP đều đồng thuận ở một số điểm sau: CNHP là một khái niệm du nhập từ phương Tây, gắn liền với chủ nghĩa tự do, lý thuyết khế ước xã hội và học thuyết phân quyền. Mục tiêu của CNHP là giới hạn quyền lực nhà nước, bảo đảm quyền lực được sử dụng một cách chính đáng, phục vụ lợi ích chung của cộng đồng. CNHP và Nhà nước pháp quyền có mối quan hệ gắn bó mật thiết, mang tính song hành và hỗ trợ lẫn nhau. Các yếu tố cấu thành của CNHP bao gồm: nguyên tắc chủ quyền nhân dân, quyền lập hiến của nhân dân và chính quyền hợp hiến dân chủ; các quyền tự do cơ bản của con người; nguyên tắc phân quyền và cơ chế kiểm chế và đối trọng quyền lực; tư pháp độc lập; và cơ chế bảo vệ hiến pháp.

Trong khoảng 5 năm trở lại đây, các nghiên cứu về CNHP được công bố trên các tạp chí chuyên ngành luật rất hạn chế, với tần suất khoảng một bài mỗi năm.⁵³ Ngoài ra, bài viết của một số tác giả quen thuộc nêu trên cũng xuất hiện rải rác trong các hội thảo khoa học trong nước.⁵⁴ Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này không mới, chủ yếu

⁵² Ví dụ: Chủ nghĩa hiến pháp và những yếu tố cấu thành (2009), Từ chủ nghĩa hiến pháp đến hiến pháp (2012), Chúng ta cần Hiến pháp hay Chủ nghĩa Hiến pháp (2013), Hiến pháp phải là bản văn kiểm soát quyền lực nhà nước (2014), Sự phát triển của chủ nghĩa hiến pháp ở Việt Nam cho đến Hiến pháp năm 2013 (2014),...

⁵³ Cụ thể: *Sự phổ biến của chủ nghĩa hợp hiến và nhà nước pháp quyền như một chuẩn mực quốc tế* (Nguyễn Văn Quân, Nghiên cứu lập pháp, số 15/2017), *Tư tưởng về chủ nghĩa hợp hiến thời cổ đại và trung đại* (Đinh Ngọc Thắng, Luật học, số 4/2018), *Một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa hiến pháp* (Vũ Công Giao, Nguyễn Minh Tâm, Luật học, số 8/2019), *Chủ nghĩa hiến pháp - Bản chất, các yếu tố cấu thành* (Thái Vĩnh Thắng, Hoàng Văn Nghĩa, Luật học, số 6/2020), *Pháp quyền và chủ nghĩa hiến pháp* (Nguyễn Đăng Dung, Vũ Thành Cự, Nghiên cứu lập pháp, số 03+04/2021).

⁵⁴ Ví dụ: Chủ nghĩa hiến pháp và vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước (Vũ Công Giao, Nguyễn Minh Tâm, 2017), Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước dân chủ, pháp quyền và chủ nghĩa hiến pháp (Thái Vĩnh Thắng, 2020), Hiến pháp và chủ nghĩa hiến pháp ở Việt Nam (Nguyễn Đăng Dung, 2020), Trí tuệ nhân tạo và những thách thức đặt ra với chủ nghĩa hiến pháp (Đăng Minh Tuấn, 2020), Mối quan hệ giữa nhà nước pháp quyền và chủ nghĩa hiến pháp (Nguyễn Đăng Dung, 2021), Chủ nghĩa hiến pháp và vai trò của

nhắc lại nội dung đã được công bố trong các nghiên cứu trước đó. Thực tế này phản ánh hai vấn đề: Một mặt, CNHP chưa thực sự thu hút sự quan tâm trong giới nghiên cứu và đời sống chính trị ở Việt Nam. Mặt khác, nó cũng đặt ra yêu cầu cần phải thúc đẩy các nghiên cứu về chủ đề này, bởi CNHP và Nhà nước pháp quyền có mối quan hệ mật thiết và hỗ trợ lẫn nhau. Trong khi chủ đề Nhà nước pháp quyền đã được nghiên cứu và thảo luận sâu rộng, thì thuật ngữ CNHP gần như hoàn toàn vắng bóng trong đời sống chính trị - pháp lý ở Việt Nam.⁵⁵

5. Kết luận

Nhà nước là một trong những sáng tạo vĩ đại nhất của con người nhằm duy trì trật tự và bảo đảm sự tồn tại của xã hội loài người. Nếu không có nhà nước, đời sống con người sẽ trở nên “cô độc, nghèo đói, bẩn thỉu, tàn bạo và ngán ngùi”.⁵⁶ Tuy nhiên, giống như con người, nhà nước cũng có những “tính xấu” và có thể trở thành mối nguy hiểm cho con người. Do đó, quyền lực nhà nước cần phải bị giới hạn và kiểm soát. Trong các xã hội quân chủ phong kiến, quyền lực “vô hạn” thường tập trung vào tay vị Quốc trưởng, nên nhu cầu kiểm soát quyền lực không được đặt ra. Ngược lại, trong các xã hội dân chủ cộng hòa, dù quyền lực nhà nước được coi là xuất phát từ người dân, nguy cơ lạm quyền của nhà nước và của đa số vẫn luôn tồn tại. Chính bởi vậy, CNHP xuất hiện như một phương tiện hiệu quả nhằm giới hạn và kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo đảm các quyền tự do của cá nhân và nhóm thiểu số trước nguy cơ lạm quyền của nhà nước và của đa số.

Ở Việt Nam, mục tiêu xây dựng một nhà nước dân chủ và pháp quyền đã được khẳng định từ lâu, cả trên phương diện quyết tâm chính trị lẫn phương diện hiến pháp. Quá trình cải cách thể chế, đặc biệt là về kinh tế, đã được thúc đẩy liên tục kể từ thời điểm Đổi Mới đến nay. Tuy nhiên, dù đã đạt được nhiều tiến bộ, cải cách trong lĩnh vực dân sự và chính trị vẫn diễn ra khá chậm chạp. Một trong những nguyên nhân chính có lẽ là do nhận thức và hiểu biết của người dân về hiến pháp cũng như các vấn đề quan trọng của đất nước còn hạn chế - điều này đã được phản ánh qua kết quả từ hai cuộc khảo sát về Chỉ số công lý của UNDP.⁵⁷ Trong bối cảnh đó, để tiếp nhận và áp dụng hợp

nó với sự phát triển, hội nhập quốc tế của Việt Nam (Nguyễn Minh Tâm, Vũ Công Giao, 2021), Hiến pháp, chủ nghĩa hiến pháp và nhà nước pháp quyền ở Việt Nam (Nguyễn Đăng Dung, 2021).

⁵⁵ Nguyễn Đăng Dung, “*Cần thiết lập chủ nghĩa hiến pháp*”, Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh, 7/8/2010, truy cập tại <https://plo.vn/thoi-su/chinh-tri/can-thiet-lap-chu-nghia-hien-phap-180706.html>, truy cập ngày 16/3/2025.

⁵⁶ A. R. M. Murray (2010), *An Introduction to Political Philosophy*, Routledge Revivals, tr. 63.

⁵⁷ UNDP (2016), *2015 Justice Index: Towards a justice system for the people*, <https://www.undp.org/vietnam/publications/2015-justice-index>, truy cập 16/3/2025; UNDP (2013),

lí các giá trị của CNHP vào quá trình cải cách thể chế ở Việt Nam, cần tập trung vào hai nhiệm vụ chính: Thứ nhất, nâng cao hiểu biết về tinh thần của CNHP. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực liên tục và bền bỉ của giới học thuật, đặc biệt là giới luật học hiến pháp, nhằm xây dựng ý thức hiến pháp trong xã hội. CNHP chỉ có thể trở thành một giá trị phổ quát khi xã hội nhận thấy sự cần thiết và lợi ích của nó. Thứ hai, thúc đẩy cải cách thể chế và xây dựng các thiết chế cụ thể để hiện thực hoá và thực hành CNHP. Các nguyên tắc của CNHP chỉ có khả năng hiện hữu và thực hành ở Việt Nam khi có những thử nghiệm hiến pháp và kinh nghiệm thực tiễn, biến chúng trở thành một phần của truyền thống văn hoá chính trị - pháp lý của quốc gia./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Daron Acemoglu, James A. Robinson (2012), *Why Nations Fail: The Origins of Power, Prosperity, and Poverty*, Crown Publishers.
2. N. W. Barber (2018), *The Principles of Constitutionalism*, OUP.
3. Katrin Blasek (2015), *Rule of Law in China: A Comparative Approach*, Springer.
4. Andrea Buratti (2019), *Western Constitutionalism: History, Institutions, Comparative Law*, Springer.
5. Beau Breslin (2009), *From Words to Worlds: Exploring Constitutional Functionality*, Johns Hopkins University Press.
6. Albert H.Y. Chen (2010), “Pathways of Western liberal constitutional development in Asia: A Comparative study of five major nations”, *International Journal of Constitutional Law*, 8(4).
7. Larry Diamond (2008), *The Spirit of Democracy: The Struggle to Build Free Societies Throughout the World*, Times Books.
8. Nguyễn Đăng Dung, “Cần thiết lập chủ nghĩa hiến pháp”, Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh, 7/8/2010, truy cập tại <https://plo.vn/thoi-su/chinh-tri/can-thiet-lap-chu-nghia-hien-phap-180706.html>, truy cập ngày 16/6/2023.
9. Stephen Holmes (1995), *Passion and Constraint: On the Theory of Liberal Democracy*, University of Chicago Press.
10. Martin Loughlin (2010), “What is Constitutionalism”, trong: Petra Dobner, Martin Loughlin (eds), *The Twilight of Constitutionalism*, OUP.
11. Nguyễn Hiến Lê (1968), *Đông Kinh Nghĩa Thực*, Lá Bối xuất bản, Sài Gòn.

Justice Index: Assessment of Distributive Justice and Equality from a Citizen-based Survey in 2012, <https://www.undp.org/vietnam/publications/justice-index-assessment-distributive-justice-and-equality-citizen-based-survey-2012>, truy cập 16/3/2025.

12. Charles H. McIlwain (1939), *Constitutionalism and the Changing World*, Cambridge University Press.
13. Charles H. McIlwain (1947), *Constitutionalism: Ancient and Modern*, Cornell University Press.
14. Gregory Mahler (2000), *Comparative Politics: An Institutional and Cross-National Approach*, Prentice Hall.
15. Merriam-Webster Incorporated (2014), *Advanced Learner's English Dictionary*, Replika Press Pvt. Ltd.
16. A. R. M. Murray (2010), *An Introduction to Political Philosophy*, Routledge Revivals.
17. Michel Rosenfeld, András Sajó (2013), “Constitutionalism: Foundations for the New Millennium”, trong: *New Millenium Constitutionalism: Paradigms of Reality and Challenges*, NJHAR Publisher.
18. Michael J. Sandel (2009), *Justice: what's the right thing to do?*, Farrar, Straus and Giroux.
19. Bùi Ngọc Sơn (2008), “*Chủ nghĩa hợp hiến ở Việt Nam*”, Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba: Việt Nam hội nhập và phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội và Viện Khoa học Xã hội phối hợp tổ chức, ngày 5 - 7/12/2008, Hà Nội.
20. Bùi Ngọc Sơn (2008), “*Một số vấn đề về chủ nghĩa hợp hiến*”, Nghiên cứu lập pháp, số 11.
21. Bùi Ngọc Sơn (2011), “*Chủ nghĩa hợp hiến và sửa đổi hiến pháp ở Việt Nam*”, Nghiên cứu lập pháp, số 2+3.
22. Bùi Ngọc Sơn (2011), “*Đặc điểm phát triển của Hiến pháp ở Đông Á*”, Nghiên cứu lập pháp, số 17.
23. Bùi Ngọc Sơn (2013), “*Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992: Chủ nghĩa hợp hiến hiện đại ở Việt Nam trong thế kỉ 21*”, Nghiên cứu lập pháp, số 6.
24. Phạm Hồng Thái (2016) (chủ biên), *Hợp đồng hành chính trong quản lí nhà nước*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
25. Phan Đăng Thanh (2006), *Tư tưởng lập hiến Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX*, Nxb. Tư pháp.
26. Phan Đăng Thanh, Trương Thị Hoà (2013), *Lược sử lập hiến Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
27. Chương Thâu (2005), *Phan Châu Trinh toàn tập*, Nxb. Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng.

28. Lã Khánh Tùng (2015), *Sự phát triển của hiến pháp trong tiến trình dân chủ hóa ở Đông Á*, Luận án tiến sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
29. Đào Trí Úc (2014), “*Cơ sở lý luận, thực tiễn và quá trình xây dựng Hiến pháp năm 2013*”, trong: Đào Trí Úc, Vũ Công Giao (đồng chủ biên), *Bình luận khoa học Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013*, Nxb. Lao động xã hội.
30. UNDP (2016), *2015 Justice Index: Towards a justice system for the people*, truy cập tại <https://www.undp.org/vietnam/publications/2015-justice-index>, truy cập ngày 16/6/2023.
31. Jeremy Waldron (2009), “*Constitutionalism - A Skeptical View*”, trong: Thomas Christiano and John Christman (eds), *Contemporary Debates in Political Philosophy*, Wiley-Blackwell.
32. Graham Walker (1997), “*The Idea of Nonliberal Constitutionalism*”, trong: Ian Shapiro and Will Kymlicka (eds), *Nomos XXXIX: Ethnicity and Group Rights*, New York University Press.
33. Wil Waluchow, “*Constitutionalism*” (18/5/2023), truy cập tại <https://plato.stanford.edu/entries/constitutionalism/>, truy cập ngày 16/6/2023.
34. Francis D. Wormuth (1949), *The Origins of Modern Constitutionalism*, Harper & Brothers Publishers.
35. Danilo Zolo, “*The Rule of Law: A Critical Reappraisal*”, trong: Danilo Zolo, Pietro Costa (eds) (2007), *The Rule of Law: History, Theory and Criticism*, Springer.